

Số: *3722* /UBND-KGVX
V/v triển khai thực hiện Nghị quyết
số 18/2022/NQ-HĐND ngày
12/9/2022 của HĐND Thành phố

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.

Thực hiện Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND), Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan triển khai thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan làm tốt công tác tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tổng hợp dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính báo cáo UBND Thành phố bố trí nguồn kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 theo quy định.

c) Giao dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc có đối tượng được hỗ trợ. Thực hiện chi trả cho một số đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

d) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trực thuộc, như sau:

- Lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho một số đối tượng được hưởng theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND; thực hiện chi trả chế độ đối với trẻ em, học sinh được hưởng hỗ trợ đảm bảo đầy đủ, đúng đối tượng (*mức hỗ trợ đối với học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập chi tiết theo phụ lục kèm theo Công văn này*), trong đó lưu ý: Đối với đối tượng đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định; đối tượng đã được hưởng hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại “*Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo*”

bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025” sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND;

- Có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Số liệu quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí tại các cơ sở giáo dục được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị và được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, hạch toán chi vào Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành (Tiểu mục 6199);

- Thực hiện công khai cơ chế hỗ trợ và kết quả thực hiện cơ chế hỗ trợ theo đúng chế độ quy định.

đ) Trong trường hợp sau thời điểm Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND có hiệu lực, Chính phủ ban hành quy định về việc giữ nguyên mức học phí năm học 2022-2023 bằng mức học phí năm học 2021-2022: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan, tổng hợp, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo (bao gồm các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã), tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định.

Trong trường hợp sau thời điểm Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND có hiệu lực, Chính phủ ban hành quy định về việc giữ nguyên mức học phí năm học 2022-2023 bằng mức học phí năm học 2021-2022: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các quận, huyện, thị xã kiểm tra các cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính thông tin công khai về cơ chế hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Hướng dẫn các cơ quan báo chí Hà Nội, các cơ quan báo chí Trung ương phối hợp và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về cơ chế hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 đến các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn Thành phố hiểu và đồng thuận thực hiện.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trong việc triển khai cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh

phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND về nội dung các đối tượng được hưởng cơ chế hỗ trợ không trùng lặp với các văn bản quy định khác.

5. Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội

Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước các quận, huyện, thị xã kiểm soát nội dung chi kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND theo đúng quy định.

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

a) Chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ học phí đối với một số đối tượng trẻ em mầm non và học sinh phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tổng hợp dự toán nhu cầu kinh phí, triển khai việc giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên có đối tượng được hỗ trợ; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho một số đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

c) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trực thuộc: Thực hiện theo các nội dung quy định tại điểm d khoản 1 của Công văn này.

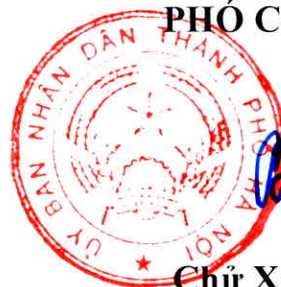
d) Tổ chức kiểm tra quá trình thực hiện Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, thống nhất Sở Tài chính xem xét giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết nếu vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Chủ Xuân Dũng, Hà Minh Hải;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Ban Văn hóa Xã hội - HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KTTH, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chủ Xuân Dũng

PHỤ LỤC

Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông thuộc đối tượng được hỗ trợ học phí theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Công văn số 3722/UBND-KGVX ngày 08/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Vùng/cấp học	Mức hỗ trợ năm học 2022-2023	
		Hình thức học trực tiếp	Hình thức học trực tuyến
A	Đối với học sinh thuộc diện phải đóng 100% học phí (không thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí theo quy định)		
I	Vùng miền núi (Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	12.000	9.000
2	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	10.000	8.000
B	Đối với học sinh đã được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP		
I	Vùng thành thị (Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường và thị trấn)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	33.000	25.000
2	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	24.000	18.000
II	Vùng nông thôn (Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã trừ các xã miền núi)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	15.000	11.000
2	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	12.000	9.000
III	Vùng miền núi (Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	4.000	3.000
2	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	3.000	2.000

STT	Vùng/cấp học	Mức hỗ trợ năm học 2022-2023	
		Hình thức học trực tiếp	Hình thức học trực tuyến
C	Đối với học sinh đã được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP		
I	Vùng thành thị (Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường và thị trấn)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	55.000	41.000
2	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	39.000	29.000
II	Vùng nông thôn (Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã trừ các xã miền núi)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	24.000	18.000
2	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	19.000	14.000
III	Vùng miền núi (Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã miền núi)		
1	Mầm non (Nhà trẻ và Mẫu giáo không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học phổ thông (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	6.000	5.000
2	Mầm non (trẻ em mầm non 05 tuổi); Trung học cơ sở (bao gồm cả học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên)	5.000	4.000